

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019 DS-ST

Ngày: 22/10/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng.

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Minh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- *Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Dễm.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thụ lý số: 146/2018/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 và thông báo mở phiên Tòa số 376/2019/TB-TA ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 6, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Người đại Dện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Hữu T1, sinh năm 1960; địa chỉ: 62/6, ấp 3, xã Th, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Tr: Luật sư Nguyễn Văn Thận – Văn phòng Luật sư Đắc Tín Luật – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 47/1 Nguyễn Văn Đậu, phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn:* Ông Đặng Văn Ph, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 6, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Huỳnh Quan T2, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 6, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn,

tỉnh An Giang.

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 6, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

* *Người làm chứng*: Ông Lê Hồng D, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

(Ông T1, ông Thận, ông Ph có mặt; ông T2, bà S, ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/8/2019 và 19/9/2019 trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, đại Dện ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào ngày 17 tháng 01 năm 2018, ông Đặng Văn Ph có vay bà Nguyễn Thị Tr số tiền 710.000.000 đồng, ông Ph hứa trả số tiền nêu trên vào ngày 17/4/2018. Để làm tin, ông Ph có tự viết biên nhận nợ ngày 17/01/2018 số tiền 710.000.000 đồng.

Đến ngày 19/6/2018, ông Ph trả cho bà Tr được 100.000.000 đồng và đến ngày 19/7/2018 ông Ph tiếp tục trả 90.000.000 đồng. Qua 02 lần trả nêu trên ông Ph trả ông Ph trả cho bà Tr được số tiền 190.000.000 đồng. Hiện ông Ph còn nợ bà Tr số tiền 520.000.000 đồng. Bà Tr nhiều lần gặp trực tiếp ông Ph yêu cầu trả số tiền còn nợ 520.000.000 đồng nhưng ông Ph không trả. Nay bà Tr yêu cầu ông Ph trả số tiền 520.00.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả được tính như sau:

Thời gian tính lãi từ ngày 17/4/2018 đến ngày 17/6/2018 với số tiền 710.000.000đồng ($710.000.000\text{đồng} \times 10\%\text{năm}$ (0,8%/tháng $\times$ 02 tháng = **11.360.000** đồng.

Thời gian tính lãi từ ngày 19/6/2018 đến ngày 19/7/2018 với số tiền 610.000.000đồng ($610.000.000\text{đồng} \times 10\%\text{năm}$ (0,8%/tháng) $\times$ 01 tháng = **4.880.000** đồng.

Thời gian tính lãi từ ngày 20/7/2018 đến ngày 22/10/2019 với số tiền 520.000.000 đồng ($520.000.000\text{đồng} \times 10\%\text{năm}$ (0,8%/tháng) $\times$ 15tháng, 02 ngày = **62.680.000** đồng

Tổng số tiền lãi phải trả: $11.360.000\text{đ} + 4.880.000\text{đ} + 62.680.000\text{đ} = 78.920.000$ đồng.

Nợ gốc $520.000.000\text{đồng} + 78.920.000\text{đồng} = \mathbf{598.920.000}$ đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Đặng Văn Ph trả một lần số tiền 598.920.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Văn Ph trình bày:

Năm 2015 do cần vốn ông có đến nhà bà Nguyễn Thị Tr vay số tiền 300.000đồng lãi suất 6%/tháng; số tiền lãi hàng tháng ông phải trả lãi cho bà Tr là 18.000.000 đồng. Trong 02 năm 2015 và 2016 ông trả cho bà Tr số tiền 432.000.000đồng.

Đến năm 2017 do làm kinh tế liên tục bị thua lỗ nên không có tiền trả lãi hàng tháng; đến tháng 6/2017 bà Tr yêu cầu ông trả lãi 06 tháng số tiền 108.000.000 đồng, bà Tr cho 8.000.000 đồng còn lại 100.000.000 đồng cộng với 300.000.000 đồng nợ gốc là

400.000.000đồng. Ông trả lãi cho bà Tr 6%tháng số tiền lãi hàng tháng là 24.000.000đồng; ông trả cho bà Tr được 03 lần số tiền 72.000.000đồng.

Tính từ năm 2015 đến tháng 10 năm 2017 ông trả lãi cho bà Tr tổng số tiền 504.000.000đồng.

Đến ngày 17/01/2018 do bị bà gây sức ép, hăm dọa, buộc ông phải làm biên nhận nợ số tiền 710.000.000đồng. Do ông bị ép buộc và vợ ông bà Sang đang mang thai nhi, sợ vợ biết chuyện nợ nên ông tự viết biên nhận nợ ngày 17/01/2018 và ký tên xác nhận. Sau ngày làm biên nhận nợ, bà Tr liên tục xuống nhà ông gây sức ép cho gia đình buộc trả số tiền nhận nợ 710.000.000 đồng.

Ngày 12/5/2018 ông trả cho bà Tr 100.000.000 đồng.

Ngày 20/6/2018 ông trả cho bà Tr 90.000.000 đồng

Từ ngày làm biên nhận nợ đến nay ông trả cho bà Tr được 02 lần tổng số tiền 190.000.000 đồng. Nợ gốc ban đầu ông vay của bà Tr là 400.000.000 đồng - 190.000.000 đồng = 210.000.000đồng. Như vậy ông chỉ còn nợ bà Tr số tiền 210.000.000 đồng; cộng tiền lãi 40.000.000 đồng; ông đồng ý trả cho bà Tr số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 11/9/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Quan T2 trình bày:

Nguyên vào ngày 17/01/2018 ông Ph có vay vợ ông là bà Tr số tiền 710.000.000 đồng, việc giao nhận tiền tại nhà ông, ông không có chứng kiến. Tài sản trên là của riêng bà Tr, ông không có công đóng góp với số tiền tạo lập này, bà Tr là chủ sở hữu do đó ông không có tranh chấp. Do công việc, ông không có thời gian có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, ông xin vắng mặt khi tòa án tiến hành công bố chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S trình bày:

Bà và ông Đặng Văn Ph là vợ chồng, việc ông Ph vay tiền của bà Nguyễn Thị Tr và đóng lãi như thế nào bà không biết, do ông không có nói cho bà biết và cũng không có đem tiền về nhà, đến khi bà Tr đến nhà đưa bà xem biên nhận nợ ngày 17/01/2018 do ông Ph viết bà mới biết. Do ông Ph làm việc sợ bị mất huy tín chồng, nên bà tự nguyện trả số tiền 190.000.000 đồng cho bà Tr. Do công việc nhà, bà không thể có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, bà xin vắng mặt khi tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2019 của người làm chứng ông Lê Hồng D trình bày:

Ông và ông Đặng Văn Ph là bạn bè quen biết nhau từ lâu, việc ông Ph cho rằng ngày ngày 17/01/2018 bà Tr yêu cầu ông Ph đến nhà bà Tr để tính tiền nợ, sau đó bà Tr yêu cầu ông Ph viết biên nhận nợ và có 02 thanh niên lạ mặt yêu cầu phải viết biên nhận nợ có ông nhìn thấy là không đúng, ông khẳng định việc ông Ph có vay tiền của bà Tr bao nhiêu, có làm biên nhận nợ hay không ông hoàn toàn không biết. Do công việc ông không

thể có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, ông xin vắng mặt khi tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

Phát biểu của Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng:

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như HĐXX tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên vẫn có thiếu sót về một vài thủ tục như việc tổng đạt, thời hạn chuẩn bị xét xử, trễ hạn, nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

- *Hội đồng xét xử:* Đảm bảo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Bà Tr khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Đặng Văn Ph, ông Ph cư trú tổ 6, ấp A, xã T, huyện Tri Tôn, An Giang. Căn cứ vào các Điều 26, 35, và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Huỳnh Quan T2, bà Phạm Thị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Q, bà S theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr và bị đơn ông Đặng Văn Ph là tranh chấp hợp đồng vay tài sản tài sản

[3] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr yêu cầu ông Đặng Văn Ph trả số tiền 520.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 17/01/2018 ông Đặng Văn Ph có vay số tiền 710.000.000 đồng, của bà Tr, ông Ph tự viết biên nhận nợ, ký tên, điểm chỉ thời gian trả là 17/4/2018 và được ông Ph xác nhận trong quá trình tố tụng. Trong khoản thời gian vay, ông Ph trả 02 lần số tiền nợ gốc cho bà Tr 190.000.000 đồng và được bà Tr và ông Ph xác nhận. Nay bà Tr yêu cầu ông Đặng Văn Ph trả số tiền còn nợ 520.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận theo Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Xét yêu cầu của bị đơn ông Đặng Văn Ph cho rằng biên nhận nợ ngày 17/01/2018 ông viết là do bà Tr và 02 thanh niên lạ mặt bị ép buộc, đe dọa nên ông phải làm biên nhận nợ. Trong lúc làm biên nhận nợ có ông Lê Hồng D nhìn thấy sự việc, trong quá trình tố tụng, tòa án tiến hành xác minh làm việc và lấy lời khai ông D, ông D cho rằng ông không chứng kiến, cũng không nhìn thấy, ông Ph làm biên nhận nợ, ông Ph cho rằng ông nhìn thấy là không đúng.

Ông Ph là trưởng ấp, bí thư chi bộ, trình độ học vấn Đại học Luật, được xem là người am hiểu pháp luật, ông cho rằng bị bà Tr đe dọa, uy hiếp buộc làm giấy nhận nợ số tiền 710.000.000 đồng mà ông không trình báo chính quyền địa Ph, Công an xử lý ghi nhận; do vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Ph là không có cơ sở chấp nhận.

Ông Ph cho rằng năm 2015 ông có vay tiền của bà Tr số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; số tiền lãi hàng tháng ông phải trả lãi cho bà Tr là 18.000.000 đồng. Trong 02 năm 2015 và 2016 ông trả cho bà Tr số tiền 432.000.000 đồng.

Đến năm 2017 do làm kinh tế liên tục bị thua lỗ nên không có tiền trả lãi hàng tháng; đến tháng 6/2017 bà Tr yêu cầu ông trả lãi 06 tháng số tiền 108.000.000 đồng, bà Tr cho 8.000.000 đồng còn lại 100.000.000 đồng cộng với 300.000.000 đồng nợ gốc là 400.000.000 đồng. Ông trả lãi cho bà Tr 6%/tháng số tiền lãi hàng tháng là 24.000.000 đồng; ông trả cho bà Tr được 03 lần số tiền 72.000.000 đồng.

Tính từ năm 2015 đến tháng 10 năm 2017 ông trả lãi cho bà Tr tổng số tiền 504.000.000 đồng.

Đến ngày 17/01/2018 do bị bà gây sức ép, bà Tr buộc ông phải làm biên nhận nợ số tiền 710.000.000 đồng ngày 17/01/2018 và ký tên xác nhận.

Từ ngày làm biên nhận nợ đến nay ông trả cho bà Tr được 02 lần tổng số tiền 190.000.000 đồng. Nợ gốc ban đầu ông vay của bà Tr là 400.000.000 đồng - 190.000.000 đồng = 210.000.000 đồng. Như vậy ông chỉ còn nợ bà Tr số tiền 210.000.000 đồng; lãi 40.000.000 đồng; ông đồng ý trả cho bà Tr 250.000.000 đồng; nhưng không được phía người đại diện ủy quyền, cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng tòa án có ra quyết định số: 452/2018/QĐ-CCCC ngày 24/12/2018 về việc yêu cầu ông Đặng Văn Ph cung cấp chứng cứ các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc vay và trả lãi. Tuy nhiên ông Ph không cung cấp được giấy tờ có liên quan

đến việc vay, và trả lãi gửi cho tòa án xem xét, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận nợ ngày 17/01/2018 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của ông Huỳnh Quan T2:

Ông Tường cho rằng tài sản trên là của riêng bà Tr, ông không có công đóng góp với số tiền tạo lập này, bà Tr là chủ sở hữu do đó ông không có tranh chấp do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét yêu cầu của bà Phạm Thị S:

Bà cho rằng ông Ph vay tiền của bà Nguyễn Thị Tr và đóng lãi như thế nào bà không biết, do ông Ph không có nói cho bà biết và cũng không có đem tiền về nhà, đến khi bà Tr đến nhà đưa bà xem biên nhận nợ ngày 17/01/2018 do ông Ph viết bà mới biết. Do ông Ph làm việc sợ bị mất huy tín chồng, nên bà tự nguyện trả số tiền 190.000.000 đồng cho bà Tr và được ông Ph, bà Tr xác nhận. Do bà Tr không có yêu cầu bà Sáng có trách nhiệm liên đới trả nợ nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

Như vậy đủ cơ sở sát định ông Đặng Văn Ph có vay tiền của bà Nguyễn Thị Tr số tiền 710.000.000 đồng và trả vốn gốc được 190.000.000 đồng còn nợ 520.000.000 đồng; bà Tr yêu cầu ông Ph trả số tiền 520.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả là có cơ sở chấp nhận. Số tiền lãi chậm trả được tính như sau:

Thời gian tính lãi từ ngày 17/4/2018 đến ngày 17/6/2018 với số tiền 710.000.000 đồng ($710.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \text{ năm} (0,8\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = \mathbf{11.360.000}$ đồng.

Thời gian tính lãi từ ngày 19/6/2018 đến ngày 19/7/2018 với số tiền 610.000.000 đồng ($610.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \text{ năm} (0,8\%/\text{tháng}) \times 01 \text{ tháng} = \mathbf{4.880.000}$ đồng.

Thời gian tính lãi từ ngày 20/7/2018 đến ngày 22/10/2019 ngày xét xử sơ thẩm là 15 tháng 02 ngày được tính như sau:

Số tiền 520.000.000 đồng ($520.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \text{ năm} (0,8\% \text{ tháng}) \times 15 \text{ tháng} = \mathbf{62.400.000}$ đồng.

Số tiền 520.000.000 đồng ($520.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \text{ năm} (0,027/\text{ngày}) \times 02 \text{ ngày} = \mathbf{280.800}$ đồng.

Tổng số tiền lãi phải trả: $11.360.000\text{đ} + 4.880.000\text{đ} + 62.400.000\text{đ} + 280.800\text{đ} = 78.920.000$ đồng

Như vậy số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: $520.000.000\text{đ} + 78.920.000\text{đồng} = \mathbf{598.920.000\text{đồng}}$ (năm trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai chục ngàn đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tr khởi kiện và được Tòa án chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ph vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 351, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 26, 35, Điều 39, 144, 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tr.

Buộc ông Đặng Văn Ph trả cho bà Nguyễn Thị Tr số tiền 598.920.000 đồng (*năm trăm chín mươi tám triệu chín trăm hai chục ngàn đồng*).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ph chịu 27.956.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn đồng*).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Tr tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.200.000 đồng (*Mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số: TU/2016/0001876 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án huyện Tri Tôn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh

